ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:4575/QĐ-UBND	*Bình Sơn, ngày 21 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt phương án: Liên kết sản xuất lúa ăn chất lượng.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/12/2019;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 3131/QĐ –UBND ngày 23/12/2020 của UBND huyện về việc giao dự toán thu, phân bổ chi ngân sách năm 2021.

Căn cứ Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 26/5/2021 của UBND huyện Bình Sơn Cơ cấu lại ngành Nông nghiệp huyện Bình Sơn giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Tờ trình số 04 /TTr ngày 17/11/2021 của HTX NN Bình Thanh Đông về việc xin hỗ trợ thực hiện mô hình Liên kết sản xuất lúa chất lượng.

Hồ sơ phương án Liên kết sản xuất lúa ăn chất lượng.

Xét đề nghị của Phòng Nông nghiệp&PTNT huyện tại Tờ trình số 79/TTr-NNPTNT ngày 17/11/2021; Báo cáo thẩm định số146/BCTĐ-HĐTĐ ngày 17/12/2021 của Hội đồng thẩm định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất huyện Bình Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án Liên kết sản xuất lúa ăn chất lượng với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên phương án: Liên kết sản xuất lúa ăn chất lượng.

2. Chủ đầu tư: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện

3. Quy mô và giống cây trồng thực hiện:

- Quy mô: 20 ha
- Giống sản xuất: giống lúa ND 502

4. Thời gian, địa điểm sản xuất:

- Thời gian: vụ Đông xuân 2021-2022.

- Địa điểm: Xứ đồng Nhà Luồng, xóm An Hội Đông, thôn Tham Hội 1, xã Bình Thanh.

5. Phương thức đầu tư: Nhà nước và nhân dân cùng làm

6. Tổng vốn và nguồn vốn đầu tư:

* Tổng vốn: 695.628.000 đồng *(bằng chữ: Sáu trăm chín mươi năm triệu sáu trăm hai tám ngàn đồng y).*

+ Ngân sách huyện hỗ trợ: 49.928.000 ñoàng.

+ Vốn dân: 649.700.000 ñoàng.

* Nguồn vốn từ ngân sách: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp nông nghiệp của phòng Nông nghiệp&PTNT huyện năm 2021.

(Chi tiết Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện có trách nhiệm:

- Lựa chọn đơn vị cung ứng giống, vật tư, triển khai thực hiện Phương án đảm bảo hiệu quả, đúng nội dung được phê duyệt và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước; quản lý sử dụng vốn đúng quy định và đạt hiệu quả.

- Thực hiện đúng nội dung kết quả thẩm định tại Báo cáo thẩm định số 146/BCTĐ-HĐTĐ ngày 17/12/2021 của Hội đồng thẩm định Dự án phát triển sản xuất huyện Bình Sơn.

2. UBND xã Bình Thanh và các Hội đoàn thể xã có trách nhiệm: Tuyên truyền đến hộ tham gia thực hiện Phương án theo quy định; hỗ trợ tập huấn, chỉ đạo phương án.

3. HTXNN Bình Thanh Đông: cấp giống, vật tư cho người dân tham gia thực hiện phương án; thực hiện ký kết hợp đồng tiêu thụ với Công ty TNHH Nông Lâm Nghiệp TBT Quảng Ngãi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng huyện, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện Bình Sơn, Chủ tịch UBND xã Bình Thanh, Giám đốc HTXNN Bình Thanh và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT, PCT (NL) UBND huyện;
- VPH: PCVP, CVNN, Website;
- Lưu VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN T. QUẢNG NGÃI

Ung Đình Hiền

BẢNG KINH PHÍ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN LIÊN KẾT SẢN XUẤT LÚA CHẤT LƯỢNG

(Kèm theo Quyết định số 4575 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Bình Sơn)

TT	Hạng mục đầu tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ngân sách huyện hỗ trợ (đồng)	Vốn dân (đồng)
I	**Đầu tư trực tiếp**				**688.200.000**	**42.500.000**	**649.700.0 0**
1	**Giống, phân bón, thuốc BVTV**				**328.200.000**	**38.500.000**	**289.700.000**
	- Giống		**1800**	**25.000**	**45.000.000**	**22.500.000**	**22.500.000**
	-Phân chuồng	Kg	200000	500	100.000.000	0	100.000.000
	- Urê	Kg	4400	14.000	61.600.000	0	61.600.000
	- Lân nung chảy	Kg	**8000**	**5.000**	**40.000.000**	**16.000.000**	**24.000.000**
	- Kali	Kg	3200	13.000	41.600.000	0	41.600.000
	- Thuốc trừ sâu bệnh	Kg	40	1.000.000	40.000.000	0	40.000.000
2	**Công lao động**		0		**360.000.000**		**360.000.000**
	-Làm đất		20	3.000.00	60.000.000		60.000.000
	- Chăm sóc, thu hoạch	Công	2000	150.000	300.000.000		300.000.000
3	Thuế giá trị gia tăng phân lân	%	10		4.000.000	**4.000.000**	
II	**Đầu tư gián tiếp**				**7.428.000**	**7.428.000**	**-**
1	**Tập huấn, triển kha**				**3.303.000**	**3.303.000**	**-**
	- Nước uống, ăn trưa	người	89	25.000	2.225.000	2.225.000	-
	- Photo tài liệu	tập	89	2.000	178.000	178.000	-
	- Báo cáo viên	người	1	600.000	600.000	600.000	-
	- Thuê và trang trí hội trường	ngày	1	300.000	300.000	300.000	-
2	**Thẩm định giá**				**2.000.000**	**2.000.000**	
3	**Quản lý, chỉ đạo PA**	%	5		**2.125.000**	**2.125.000**	**-**
	Tổng cộng				**695.628.000**	**49.928.000**	**649.700.000**

BẢNG DỰ TOÁN MÔ HÌNH TRỒNG CÂY ĂN QUẢ TỔNG HỢP
KẾT HỢP HỆ THỐNG TƯỚI NƯỚC TIẾT KIỆM NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số : /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2021 của UBND huyện Bình Sơn)

Quy mô: 20.000 m ^{2}; Địa điểm: xã Bình Minh; Thời gian thực hiện: năm 2021

TT	Nội dung đầu tư	ĐVT	Yêu cầu đầu tư			Trong đó		
			Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	NS huyện		Vốn dân (đồng)
						%	Giá trị (đồng)	
I	**Đầu tư sản xuất trực tiếp**				**172.568.500**		**71.284.250**	**101.284.250**
1	**Giống**				**62.230.000**		**31.115.000**	**31.115.000**
a	**Cây bưởi da xanh**	**Ha**	**0,46**		**16.940.000**		**8.470.000**	**8.470.000**
	Cây trồng mới	Cây	230	70.000	16.100.000	50%	8.050.000	8.050.000
	Cây trồng dặm	Cây	12	70.000	840.000	50%	420.000	420.000
b	**Cây mít siêu sớm**	Ha	1,54		**45.290.000**		**22.645.000**	**22.645.000**
	Cây trồng mới	Cây	616	70.000	43.120.000	50%	21.560.000	21.560.000
	Cây trồng dặm	Cây	31	70.000	2.170.000	50%	1.085.000	1.085.000
2	**Vật tư**				**80.338.500**		40.169.250	40.169.250
a	**các thiết bị, vật tư hệ thống tưới**				**70.182.500**	**50%**	**35.091.250**	**35.091.250**
	Đường ống chính (PVC Đạt hòa)60mm	Mét	450	39.000	17.550.000	50%	8.775.000	8.775.000
	Ống nhựa LDPE 20mm	Mét	4.000	6.000	24.000.000	50%	12.000.000	12.000.000
	Đường ống tưới nhỏ giọt Hydr Bloom	Mét	2.520	7.200	18.144.000	50%	9.072.000	9.072.000
	Khớp nối nhựa PVC	Cái	75	14.500	1.087.500	50%	543.750	543.750
	Khớp nối dùng cho nhựa LDPE	Cái	40	3.000	120.000	50%	60.000	60.000
	Khớp nối Rivulis dùng cho ống nhựa LDPE	Cái	40	2.200	88.000	50%	44.000	44.000
	Khóa số 8 dùng cho ống nhựa LDPE20mm	Cái	90	2.300	207.000	50%	103.500	103.500
	Khởi thủy dùng cho ống nhựa LDPE	Cái	90	5.400	486.000	50%	243.000	243.000
	Đầu bù áp dùng cho ống nhựa LDPE	Cái	1.100	3.800	4.180.000	50%	2.090.000	2.090.000
	Bấm lỗ dùng cho ống nhựa PE, LPDE	Cái	2	240.000	480.000	50%	240.000	240.000
	Bộ lọc 60mm seoWonGolden tree	Cái	2	1.920.000	3.840.000	50%	1.920.000	1.920.000
b	**Vật tư nông nghiệp**				**10.156.000**		**5.078.000**	**5.078.000**
	Bưởi da xanh				**3.450.000**		**1.725.000**	**1.725.000**
	Phân Ure	Kg	92	10.000	920.000	50%	460.000	460.000
	Phân Lân	Kg	230	5.000	1.150.000	50%	575.000	575.000
	Phân Kali	Kg	138	10.000	1.380.000	50%	690.000	690.000
	Mít siêu sớm				**6.706.000**		**3.353.000**	**3.353.000**
	Phân Ure	Kg	234	10.000	2.340.000	50%	1.170.000	1.170.000
	Phân Lân	Kg	624	4.000	2.496.000	50%	1.248.000	1.248.000
	Phân Kali	Kg	187	10.000	1.870.000	50%	935.000	935.000
3	**Công**	Công	200	150.000	**30.000.000**			**30.000.000**
II	**Đầu tư gián tiếp**				**17.330.400**		**17.330.400**	**0**
1	**Tập huấn kỹ thuật 01 lớp (30 người/lớp/ngày)**				**4.560.000**		**4.560.000**	**0**
	Tiền ăn	Người	30	100.000	3.000.000		3.000.000	**0**
	Giải khát giữa giờ	Người	31	20.000	620.000		620.000	**0**

	Tài liệu	Tập	30	5.000	150.000		150.000	**0**
	Báo cáo viên	Ngày	1	600.000	600.000		600.000	**0**
	Trang trí hội trường	Lần	1	190.000	190.000		190.000	**0**
2	**Tham quan, sơ kết 01lớp**				**3.960.000**		**3.960.000**	**0**
	(30người/lớp/ngày)							
	Tiền ăn	Người	30	100.000	3.000.000		3.000.000	**0**
	Giải khát giữa giờ	Người	31	20.000	620.000		620.000	**0**
	Tài liệu	Tập	30	5.000	150.000		150.000	**0**
	Hội trường	Lần	1	190.000	190.000		190.000	**0**
3	**Thuê kỹ thuật chỉ đạo mô hình**	Ngày	70	67.720	4.740.400		**4.740.400**	
	1.490.000/tháng/22*70							
4	**Bảng tên MH**	**Bảng**	**2**	**250.000**	**500.000**		**500.000**	**0**
5	**Quản lý**				**3.570.000**		**3.570.000**	
Tổng cộng					**189.898.900**		**88.614.650**	**101.284.250**